

**The Saigon International
University**



Khóa luận
tốt nghiệp

Thành phố Hồ Chí Minh - 2022

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngành

Luật Kinh tế

Đề tài

CHẾ ĐỘ TÀI SẢN THEO THỎA THUẬN CỦA
VỢ CHỒNG TẠI VIỆT NAM

Giảng viên hướng dẫn

Th.s Nguyễn Thị Ngọc Uyên

Sinh viên

Thái Minh Mẫn

MSSV: 97381901653



Lewis Campus

Email: admission@siu.edu.vn

Website: www.siu.edu.vn

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan khóa luận “Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận của vợ chồng tại Việt Nam” là công trình nghiên cứu của riêng em. Các số liệu, thông tin, trích dẫn được sử dụng trong khóa luận này hoàn toàn chính xác, trung thực và tin cậy. Kết quả nghiên cứu là do quá trình học tập, nghiên cứu của bản thân và sự hướng dẫn tận tình của Giáo viên hướng dẫn – Th.S Nguyễn Thị Ngọc Uyên.

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng tại Việt Nam” là kết quả của quá trình cố gắng không ngừng nghỉ của bản thân và được sự giúp đỡ tận tình, động viên khích lệ của thầy cô, bạn bè và người thân. Qua đây, Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến những người đã giúp đỡ em trong thời gian học tập – khóa luận tốt nghiệp vừa qua.

Em xin trân trọng gửi đến cô Nguyễn Thị Ngọc Uyên - Người đã trực tiếp tận tình hướng dẫn cũng như cung cấp tài liệu, thông tin khoa học cần thiết cho bài luận này lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất.

Xin cảm ơn lãnh đạo, ban giám hiệu cùng toàn thể các thầy cô giáo trường Đại học Quốc tế Sài Gòn khoa Kinh doanh và Luật chuyên ngành Luật kinh tế Quốc tế đã tạo điều kiện cho em hoàn thành tốt khóa luận của mình.

Cuối cùng, em xin cảm ơn gia đình, người thân, bạn bè đã luôn bên cạnh, ủng hộ, động viên.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI.....	1
2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	2
3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	3
4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	3
5. KẾT CẤU ĐỀ TÀI	4
PHẦN NỘI DUNG	5
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHẾ ĐỘ TÀI SẢN VỢ CHỒNG THEO THỎA THUẬN	5
1.1. Khái niệm chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận	5
1.2. Đặc điểm chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận	8
1.3. Ý nghĩa của chế độ tài sản theo thỏa thuận vợ chồng theo thỏa thuận.....	9
1.4. Chế độ tài sản theo thỏa thuận vợ chồng theo quy định của một số nước trên thế giới	11
CHƯƠNG 2: CHẾ ĐỘ TÀI SẢN THEO THỎA THUẬN CỦA VỢ CHỒNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	18
2.1. Nguyên tắc áp dụng	18
2.2. So sánh chế độ tài sản theo thỏa thuận vợ chồng ở Việt Nam với một số nước trên thế giới	19
2.3. Chế độ tài sản theo thỏa thuận vợ chồng ở Việt Nam	22
2.4. Hệ quả pháp lý của thỏa thuận về tài sản vợ chồng khi chấm dứt quan hệ về hôn nhân	31

2.5. Hậu quả pháp lý của thỏa thuận về chế độ tài sản chung của vợ chồng.....	36
CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG, NHỮNG HẠN CHẾ BẮT CẬP VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TÀI SẢN VỢ CHỒNG THEO THỎA THUẬN TẠI VIỆT NAM.....	39
3.1. Chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng trong thực tiễn.....	39
3.2. Một số hạn chế, bất cập trong chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận	43
3.3. Một số giải pháp hoàn thiện trong việc thực hiện chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng trong thực tiễn.....	45
3.4. Một số kiến nghị sửa đổi bổ sung quy định về chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng	47
KẾT LUẬN	50
TÓM TẮT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	50

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	HN&GD	Hôn nhân và gia đình
2	UPAA	Uniform Premarital Agreements Act
3	BLDS	Bộ luật Dân sự

PHẦN MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Chế độ tài sản của vợ chồng là một chế định quan trọng của Luật HN&GD. Luật HN&GD đã đưa ra quy định về vấn đề sở hữu tài sản của vợ chồng, căn cứ xác lập tài sản chung và tài sản riêng của vợ chồng và những vấn đề phát sinh khi phân chia tài sản chung và hậu quả của nó mang lại. Cụ thể hơn, khi thực hiện và áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng trong Luật Hôn nhân và Gia đình sẽ góp phần vào sự ổn định về các mối quan hệ hôn nhân và gia đình, tạo cơ sở pháp lý thực hiện quyền và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng. Tuy nhiên ở một khía cạnh khác, những kết quả đã đạt được và quá trình thực hiện áp dụng Luật HN&GD về chế độ tài sản của vợ chồng hiện nay vẫn còn cho thấy những vấn đề bất cập còn vướng mắc và gây khó khăn trong việc giải quyết các tranh chấp tài sản trong các vụ án ly hôn. Việc áp dụng luật vào thực tế của các cơ quan có thẩm quyền có nhiều quan điểm, nhận thức và đánh giá khác nhau liên quan đến chế độ tài sản của vợ chồng như là xác định tài sản chung và tài sản riêng của vợ chồng để đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng của họ đối với tài sản của mình.

Ngoài ra còn về vấn đề đóng góp vào việc thực hiện nghĩa vụ, nguyên tắc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và việc xác định tài sản khi một bên bị tuyên bố là đã chết mà sau đó trở về, việc xác định nợ chung và nợ riêng. Các quy định về chế độ tài sản của vợ chồng trong Luật Hôn nhân và Gia đình mới chỉ dừng lại ở tính chất quy định chung, vẫn chưa cụ thể đi sâu vào thực trạng và những vấn đề thực tế hiện nay. Những vấn đề trong tranh chấp tài sản vẫn còn giải quyết một cách khó khăn và chưa bình đẳng giữa vợ chồng trong việc thực hiện và áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận vợ chồng theo Luật HN&GD năm 2014. Thêm vào đó, văn bản hướng dẫn còn thiếu, chưa cụ thể và chưa theo kịp với tình hình phát triển kinh tế xã hội hiện

nay. Chế độ tài sản của vợ chồng của mỗi quốc gia và trong cùng một đất nước ở các giai đoạn phát triển là khác nhau, vì vậy chúng ta cần phải thay đổi sao cho phù hợp với giai đoạn phát triển của xã hội của đất nước ta.

Xuất phát từ những lý do trên, em quyết định chọn đề tài “Chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng tại Việt Nam”.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

• Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về chế độ tài sản của vợ chồng và phân tích nội hàm của chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khóa luận đưa ra quan điểm và một số khuyến nghị hoàn thiện pháp luật đối với chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

• Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể bao gồm:

- (1). Làm rõ một số vấn đề lý luận về chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận.
- (2). Nghiên cứu về chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng theo Luật hiện hành.
- (3). Nghiên cứu về chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng trong thực tiễn và những vấn đề hạn chế, bất cập.
- (4). Đưa ra một số giải pháp hoàn thiện về những hạn chế trong chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- **Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận. Cụ thể hơn, đề tài sẽ tập trung nghiên cứu lý luận về chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận theo các quy định của luật thực định và trong thực tiễn.

- **Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài tập trung thực hiện việc nghiên cứu những vấn đề xoay quanh chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng, đề tài sử dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cơ sở pháp lý chủ đạo và Bộ luật Dân sự năm 2015 để tiến hành thực hiện việc nghiên cứu phân tích chế độ hôn nhân vợ chồng theo thỏa thuận. Bên cạnh đó, em còn dựa trên một số văn bản pháp luật khác có liên quan; nghiên cứu một số quy định của các nước Hoa Kỳ, Pháp và Trung Quốc từ đó đề xuất những giải pháp để hoàn thiện hơn về chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận ở Việt Nam.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài sử dụng chủ yếu phương pháp phân tích và tổng hợp các cơ sở lý luận về chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng. Bên cạnh đó, khóa luận còn dùng phương pháp so sánh để đối chiếu những phương thức thực thi và vận dụng chế định trên tại Việt Nam với một vài nước khác.

Các thao tác phân tích, tổng hợp và so sánh được sử dụng trong quá trình nghiên cứu đề tài qua việc nêu ra luận cứ và phân tích minh chứng nhằm đánh giá chi tiết các vấn đề cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn để xác định rõ những vấn đề trong quá trình nghiên cứu.

5. KẾT CẤU ĐỀ TÀI

Đề tài được chia làm 3 phần chính đó là: Phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận.

Trong phần nội dung sẽ được chia làm 3 chương:

Chương 1: Khái quát chung một số vấn đề về chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận

Chương 2: Chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng theo quy định của pháp luật Việt Nam

Chương 3: thực tiễn áp dụng, những hạn chế bất cập và một số giải pháp, kiến nghị trong thực hiện chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận tại Việt Nam

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHẾ ĐỘ TÀI SẢN VỢ CHỒNG THEO THỎA THUẬN

Chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận là một trong hai quyền lựa chọn của vợ chồng về chế độ tài sản đã được quy định ở Luật HN&GD năm 2014. Việc xác lập chế độ tài sản nào tùy thuộc vào sự lựa chọn của họ nhằm đảm bảo lợi ích của các bên và quyền tự do ý chí. Để hiểu rõ hơn về chế độ tài sản do vợ chồng thỏa thuận, em đã tiến hành nghiên cứu, phân tích khái niệm và đặc điểm của chế độ tài sản này.

1.1. Khái niệm chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận

Trước tiên chúng ta sẽ tìm hiểu thế nào là “chế độ tài sản vợ chồng”. Kết hôn là hiện tượng xã hội có tính tự nhiên gắn liền với đời sống con người. Khi phát triển đến mức độ nhất định, việc kết hôn là nhu cầu của mỗi người nhằm xác lập quan hệ hôn nhân và thực hiện các chức năng xã hội của gia đình. Từ đó, chúng ta có thể hiểu kết hôn là sự đồng ý của một nam và một nữ một cách lâu dài và tuân theo pháp luật nhằm xây dựng một gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

Tài sản là cầu nối các quan hệ trong xã hội, là cốt lõi của mọi quan hệ xã hội nói chung và quan hệ pháp luật nói riêng. Trong luật HN&GD năm 2014 không quy định về tài sản. Tuy nhiên, trong bộ luật Dân sự 2015 lại có quy định về vấn đề này tại điều 105: “Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai”.¹ Ngoài ra, tài sản được giải nghĩa là một từ được sử dụng

¹ Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự năm 2015

chung để chỉ mọi thứ là đối tượng của quyền sở hữu, hoặc hữu hình hoặc vô hình, hoặc động sản hoặc bất động sản. Như vậy, nếu xét dưới góc độ luật học thì khái niệm tài sản được nhìn nhận trong mối quan hệ với quyền sở hữu và được xem xét dưới các khía cạnh đa dạng như tài sản hữu hình, tài sản vô hình, động sản và bất động sản. Trong đó, tài sản của vợ chồng là đối tượng mà vợ chồng có thể sở hữu được trong hôn nhân và mang lại lợi ích chung cho gia đình. Bên cạnh đó, sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau tạo dựng và phát triển của cải vật chất nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc và âm no để góp phần vào sự ổn định và phát triển của xã hội. Như vậy, trước khi kết hôn tài sản của vợ và chồng thuộc phạm trù tài sản riêng của cá nhân vợ, chồng. Trong thời kỳ hôn nhân, tất cả tài sản của vợ và chồng dù là tài sản riêng hay tài sản chung thì đều được khai thác, sử dụng trước hết nhằm bảo đảm duy trì và phát triển gia đình.

Hiện nay, vấn đề hôn nhân được Đảng và Nhà nước quan tâm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về hôn nhân và gia đình nói chung và chế độ tài sản của vợ chồng nói riêng, đây là một trong những chế định cơ bản và quan trọng nhất của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên cho đến nay, trong hệ thống pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước ta vẫn chưa có khái niệm cụ thể về chế độ tài sản của vợ chồng, mà chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về hôn nhân và gia đình nhằm điều chỉnh quan hệ tài sản của vợ chồng, góp phần ổn định các quan hệ xã hội.

Như vậy, ta có thể hiểu “Chế độ tài sản của vợ chồng là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh về tài sản của vợ chồng, bao gồm các quy định về căn cứ xác lập tài sản, quyền và

nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung, tài sản riêng; các trường hợp và nguyên tắc chia tài sản giữa vợ và chồng theo luật định”.

Vậy chế độ tài sản theo thỏa thuận là gì ? theo Luật HN&GD năm 2014, quy định về chế độ tài sản của vợ chồng có nhiều điểm mới, khi bổ sung thêm chế độ tài sản theo thỏa thuận, đã được ủng hộ rất lớn từ người dân. Vì nó phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Với chế độ này, mỗi cá nhân có thể chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của mình theo ý chí của mình miễn sao không xâm phạm đến lợi ích người khác, không trái với đạo đức xã hội.

Chế độ tài sản thỏa thuận giữa vợ chồng là sự thỏa thuận bằng văn bản - văn bản ghi nhận ở đây là hôn ước, do vợ chồng lập trước khi kết hôn để quy định chế độ tài sản của vợ trong suốt thời kỳ hôn. Thỏa thuận được xác lập sẽ là căn cứ pháp lý để điều chỉnh nghĩa vụ và quyền của vợ chồng về tài sản trong suốt thời kỳ hôn nhân của họ. Khi xác lập hôn ước phải phù hợp với các điều kiện sống của hai bên và không xâm phạm đến lợi ích gia đình cũng như quyền lợi ích của người thứ ba. Bên cạnh đó, vấn đề xác định về tài sản của vợ chồng khi lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận thì vợ chồng có thể xác định tài sản theo một trong các nội dung sau đây ²:

“(1) Tài sản giữa vợ chồng bao gồm tài sản chung và tài sản riêng của vợ, chồng;

(2) Giữa vợ và chồng không có tài sản riêng của vợ, chồng mà tất cả tài sản do vợ, chồng có được trước khi kết hôn hoặc trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc tài sản chung;

(3) Giữa vợ chồng không có tài sản chung mà tất cả tài sản do vợ chồng có được trước khi kết hôn và trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc sở hữu riêng của người có được tài sản đó;

² Quách Văn Dương, 2019, Chế độ hôn nhân và chế độ tài sản của vợ chồng theo pháp luật hôn nhân và gia đình, Nxb Tư pháp, trang 174.

(4) Xác định theo thỏa thuận khác của vợ chồng;”

Qua đó, em nhận thấy việc xác định tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận tự quyết định ngay từ ban đầu để phù hợp với điều kiện của bản thân và gia đình. Đây là điểm khác so với chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định, vợ chồng có thể xác định những tài sản nào là tài sản chung và những tài sản nào là tài sản riêng theo ý chí của hai bên khi xác lập thỏa thuận. Tuy nhiên thỏa thuận về tài sản của vợ chồng phải phù hợp với quy định của Luật HN&GD năm 2014. Nếu vi phạm, người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố thỏa thuận vô hiệu theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.2. Đặc điểm chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận

***Đặc điểm chung:**

Chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận là một trong những nội dung quan trọng của Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi kết hôn, xuất hiện nhiều sự phức tạp trong việc xác định tài sản chung, tài sản riêng vợ chồng cũng như các lợi ích và các quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với khối tài sản này. Để có thể hiểu rõ hơn về vấn đề này thì chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận có một số các đặc điểm sau đó là:

Thứ nhất, chủ thể quan hệ sở hữu trong chế độ tài sản của vợ chồng phải là quan hệ vợ chồng hợp pháp với nhau. Chủ thể phải có đầy đủ năng lực được quy định trong quan hệ pháp luật dân sự, đồng thời phải tuân thủ điều kiện kết hôn trong Luật HN&GD (điều kiện về độ tuổi, điều kiện về sự thể hiện ý chí, điều kiện về nhận thức và điều kiện cấm kết hôn). Bên cạnh đó, văn bản thỏa thuận của hai bên nam-nữ phải được thành lập trước khi kết hôn và sau khi hai bên nam-nữ kết hôn thì văn bản thỏa thuận giữa hai bên mới có hiệu lực và công nhận quyền sở hữu tài sản vợ chồng của họ đã thỏa thuận.

Thứ hai, xuất phát từ vị trí và tầm ảnh hưởng của gia đình trong quá trình hình thành và hoạt động của xã hội và Nhà nước thông qua pháp luật về chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng là bắt nguồn từ mục đích và cơ bản là bảo vệ lợi ích của gia đình, trong đó có quyền lợi riêng của vợ và chồng. Những thỏa thuận của pháp luật đối với chế độ tài sản của vợ chồng thiết lập trước hôn nhân là nhằm có cơ sở khuyến khích vợ chồng tự nguyện thực thi những quyền lợi và trách nhiệm của gia đình về tài sản của vợ chồng.

Thứ ba, chế độ tài sản của vợ chồng tồn tại trong thời kỳ hôn nhân và chấm dứt khi quan hệ hôn nhân kết thúc. Trong đó, tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là nguồn bảo đảm đối với cuộc sống vật chất và tinh thần của gia đình. Vì thế, chế độ tài sản của vợ chồng lệ thuộc vào sự tồn tại của quan hệ hôn nhân và chấm dứt khi vợ hoặc chồng chết trước, hoặc có một bản án của Tòa án cho vợ chồng ly hôn.³

1.3. Ý nghĩa của chế độ tài sản theo thỏa thuận vợ chồng theo thỏa thuận

Khi nam-nữ kết hôn sẽ dẫn đến nhiều mối quan hệ đặc thù và đặc biệt nhiều người quan tâm nhất đó chính là vấn đề quan hệ tài sản vì đây là mối quan hệ quan trọng cho việc đảm bảo đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của gia đình. Đây là mối quan hệ xảy ra ở khắp nơi trong xã hội chúng ta và chịu sự điều chỉnh của Luật HN&GD năm 2014 và việc pháp luật quy định về chế độ tài sản vợ chồng thể hiện sự tôn trọng ý chí của các bên khi tham gia vào hôn nhân vì bên ngoài cuộc sống ai cũng cần có cuộc sống riêng và mong muốn hôn nhân mình hạnh phúc.

³ Đặc điểm chế độ tài sản của vợ chồng, (31/01/2023), Luật Hoàng Anh. Trích từ luathoanganh.vn/tu-van-honnhan-gia-dinh/dac-diem-che-do-tai-san-cua-vo-chong-lha1314.html. Truy cập từ 5/6/2023

Chế độ tài sản vợ chồng còn mang ý nghĩa là một chế định trong pháp luật HN&GD dựa trên sự phát triển của điều kiện kinh tế - xã hội và sự hội nhập với thế giới. CHẾ ĐỘ TÀI SẢN đã thể hiện giai cấp và bản chất của một hệ thống chính trị - xã hội cụ thể. Qua đó chúng ta thấy

được trình độ phát triển kinh tế- xã hội và ý chí thể hiện bản chất đối với xã hội đó của Nhà Nước.

Đồng thời, CHẾ ĐỘ TÀI SẢN trong hôn nhân này được quy định trong luật nhằm xác định các loại tài sản trong quan hệ vợ chồng và các thành viên gia đình. Theo thỏa thuận, khi hai bên kết hôn và trở thành vợ chồng thì hệ thống tài sản chung của vợ, chồng được tách biệt rõ ràng với các thành phần tài sản của chồng và được pháp luật bảo vệ.

Việc phân loại tài sản chung của vợ chồng đối với các loại tài sản trong quan hệ vợ chồng cũng nhằm xác định quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng đối với các loại tài sản của họ.

Chế độ tài sản của vợ, chồng theo thỏa thuận được dùng với ý nghĩa là làm cơ sở pháp lý để giải quyết tranh chấp tài sản giữa vợ, chồng với nhau hoặc với người khác trên thực tế nhằm bảo vệ quyền, lợi ích chính, giá trị tài sản cho vợ, chồng hoặc người thứ ba có liên quan trong quan hệ tài sản. các giao dịch liên quan đến tài sản của vợ, chồng.⁴

⁴ Cơ sở lý luận, thực tiễn của chế độ tài sản của vợ chồng – một số vấn đề cần trao đổi. (7/7/2015). Bộ Tư pháp. Trích từ, truy cập 6/6/2023

1.4. Chế độ tài sản theo thỏa thuận vợ chồng theo quy định của một số nước trên thế giới

1.4.1. Hoa Kỳ

Năm 1983, đạo luật về hôn ước đã được ban hành dựa trên kết quả của các án lệ, đây được xem như nguồn trong việc xác lập hôn ước giữa vợ và chồng ở Hoa Kỳ và được dùng đến ngày nay.

Ở Hoa Kỳ, quyền tự do định đoạt tài sản cá nhân được đề cao nên hình thức của xác lập hôn ước chỉ cần lập thành văn bản và có chữ ký của hai bên thì sẽ có hiệu lực mà không cần bất

kỳ một xem xét. Trong khi Việt Nam phải có công chứng hoặc chứng thực văn bản thỏa thuận của chế độ tài sản vợ chồng.

Nội dung của hôn ước Hoa Kỳ được quy định tại UPAA⁵ và được áp dụng ở nhiều bang với những đặc trưng như sau:

“(1) Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với bất kỳ tài sản của riêng từng người và của chung, thu được hoặc có sẵn;

(2) Quyền mua bán, sử dụng, trao đổi, từ bỏ, cho thuê, tiêu thụ, mở rộng và bảo mật trong việc thế chấp, quản lý hoặc kiểm soát tài sản;

(3) Định đoạt tài sản khi chia, kết thúc hôn nhân, chết, hoặc sự kiện nào khác;

(4) Việc sửa đổi hay loại bỏ hỗ trợ giữa vợ chồng;

⁵ Hội nghị toàn quốc về Luật Liên bang, Uniform Premarital Agreement Act trích từ <https://www.prenuppros.com/uniform-premarital-agreement-act>

- (5) Sự thể hiện ý chí, niềm tin và các hành động khác để thực hiện các điều khoản của thỏa thuận;
- (6) Các quyền sở hữu và định đoạt từ bảo hiểm sau khi chết;
- (7) Lựa chọn luật điều chỉnh việc thỏa thuận hôn ước;
- (8) Các vấn đề khác bao gồm quyền nghĩa vụ của cá nhân không vi phạm chính sách công cộng hoặc hình sự;”

Nội dung chủ yếu trong các hôn ước ở Hoa Kỳ là về tài sản, đặc biệt không được đề cập đến các vấn đề liên quan đến con cái vì các vấn đề này phải được Tòa Án quyết định dựa vào quyền lợi tốt nhất cho con.

Hoa Kỳ quy định về việc thay đổi hôn ước có sự khác nhau giữa pháp luật liên bang và các bang. Theo luật liên bang, sau khi kết hôn hôn ước có thể được các bên sửa đổi bằng cách lập thêm một văn bản khác và ký tên vào đó, sự sửa đổi này không cần thêm một sự xem xét nào cả. Tuy nhiên theo luật một số bang hôn ước chỉ được sửa đổi sau 1,5 năm áp dụng. Đối với thỏa thuận do cả hai vợ chồng tự nguyện lập thì cả hai vợ chồng sẽ lập thỏa thuận mới và tiến hành thủ tục sửa đổi tại tổ chức hành nghề công chứng đã công chứng thỏa thuận phân chia tài sản trước đây. Cần lưu ý rằng khi thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng thì trong một số trường hợp nhất định phải thông báo cho bên thứ ba biết và được họ đồng ý⁶.

⁶ Click Law Wikibooks. (7/7/2015), trích từ https://wiki.clicklaw.bc.ca/index.php/Marriage_Agreements, truy cập 8/6/2023